



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Dây cáp điện Quốc Phòng
"kết nối mọi công trình"



PROFILE & CATALOGUE





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Địa chỉ: Thôn Liên Minh - xã Thụy An - huyện Ba Vì - Hà Nội

Điện thoại: 02433965390 / 02433965864

Email: info@z43.com.vn

Website: z43.com.vn - daycapquocphong.com.vn



MỤC LỤC

➤ Lời giới thiệu	04
➤ Thư ngỏ	05
➤ Tầm nhìn sứ mệnh	06
➤ Năng lực sản xuất	08
➤ Đối tác và khách hàng	10
➤ Dây truyền sản xuất	12
➤ Nguyên vật liệu	16
➤ Giấy chứng nhận	18
➤ Sơ đồ tổ chức công ty	19
➤ Catalogue	20



LỜI GIỚI THIỆU

Lời đầu tiên, cho phép **Công ty TNHH Một thành viên 43** xin được gửi tới Quý Khách hàng lời chào trân trọng, lời chúc sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Công ty TNHH Một thành viên 43 (43 Company) là đơn vị trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp Quốc Phòng – Bộ Quốc Phòng. Chủ ng tôi, Công ty TNHH Một thành viên 43, được thành lập và hoạt động từ ngày 23 tháng 09 năm 1972, mã số doanh nghiệp : 0500315181; Ngành nghề sản xuất : Các loại dây và cáp thông tin, cáp đồng trục cao tần, dây và cáp điện, phục vụ cho Quân đội và dân sinh.

Đến nay, công ty có trên 89.000 m² hệ thống mặt bằng nhà xưởng cùng cơ sở vật chất hiện đại, với đội ngũ hơn 300 cán bộ công nhân viên đầy nhiệt huyết, bao gồm các kỹ sư giỏi và công nhân lành nghề; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 hiệu quả – góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Z43/43Company trở thành Nhà sản xuất dây và cáp hàng đầu Việt Nam.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất đi kèm dịch vụ chất lượng cao nhất, chúng tôi luôn mong muốn hợp tác và là đối tác tin cậy, uy tín của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu sử dụng và tiêu thụ sản phẩm do **43 COMPANY** sản xuất và phân phối.

Trong những nỗ lực của mình, chúng tôi luôn cam kết dành cho đối tác của mình:

- Những sản phẩm thương hiệu đảm bảo chất lượng, uy tín trên thị trường,
- Các dịch vụ bán hàng và sau bán hàng được phục vụ chu đáo, nhiệt tình, chuyên nghiệp...
- Chia sẻ chính sách giá cả hợp lý, chiết khấu bán hàng hấp dẫn, phù hợp, tiết kiệm..
- Và nhiều ưu đãi khác...

Trên hết tất cả, đó là sự đồng hành và chia sẻ.

Chúng tôi tin tưởng rằng, Quý Khách hàng sẽ thật sự hài lòng.

Chúc Quý Khách hàng gặp nhiều may mắn và thành công!

Trân trọng cảm ơn!



Thư ngỏ từ

BAN GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý Khách hàng

Lời đầu tiên, cho phép Công ty TNHH Một thành viên 43 xin được gửi tới Quý Khách hàng lời chào trân trọng, lời chúc sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Công ty TNHH Một thành viên 43 (43 Company) là đơn vị trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp Quốc Phòng – Bộ Quốc Phòng. Chúng tôi, Công ty TNHH một thành viên 43, được thành lập và hoạt động từ ngày 23 tháng 09 năm 1972, mã số doanh nghiệp : 0500315181; Ngành nghề sản xuất : Các loại dây và cáp thông tin, cáp đồng trục cao tần, dây và cáp điện, phục vụ cho Quân đội và dân sinh.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất đi kèm dịch vụ chất lượng cao nhất, chúng tôi luôn mong muốn hợp tác và là đối tác tin cậy, uy tín của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu sử dụng và tiêu thụ sản phẩm do 43 COMPANY sản xuất và phân phối.

Trong những nỗ lực của mình, chúng tôi luôn cam kết dành cho đối tác của mình:

- Những sản phẩm thương hiệu đảm bảo chất lượng, uy tín trên thị trường,
- Các dịch vụ bán hàng và sau bán hàng được phục vụ chu đáo, nhiệt tình, chuyên nghiệp...
- Chia sẻ chính sách giá cả hợp lý, chiết khấu bán hàng hấp dẫn, phù hợp, tiết kiệm..
- Và nhiều ưu đãi khác...

Trên hết tất cả, đó là sự đồng hành và chia sẻ!

Chúng tôi tin tưởng rằng, Quý Khách hàng sẽ thật sự hài lòng!

Chúc Quý Khách hàng gặp nhiều may mắn và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Minh

>> TẦM NHÌN SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Công ty TNHH Một thành viên 43 (43 Company) mong muốn trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất dây và cáp thông tin, dây và cáp điện trong khu vực. Chúng tôi sẽ luôn không ngừng nỗ lực cải tiến, đa dạng hóa các sản phẩm của mình, đảm bảo uy tín của doanh nghiệp, chất lượng của sản phẩm, hiệu quả công việc và đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng.

SỨ MỆNH

Toàn thể cán bộ, công nhân viên của đơn vị luôn đoàn kết, sáng tạo, đổi mới không ngừng nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, là nhà cung cấp tin cậy của mọi đối tác trong và ngoài nước. Xây dựng Công ty phát triển trên cơ sở vì một môi trường bền vững, vì chất lượng cuộc sống và trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

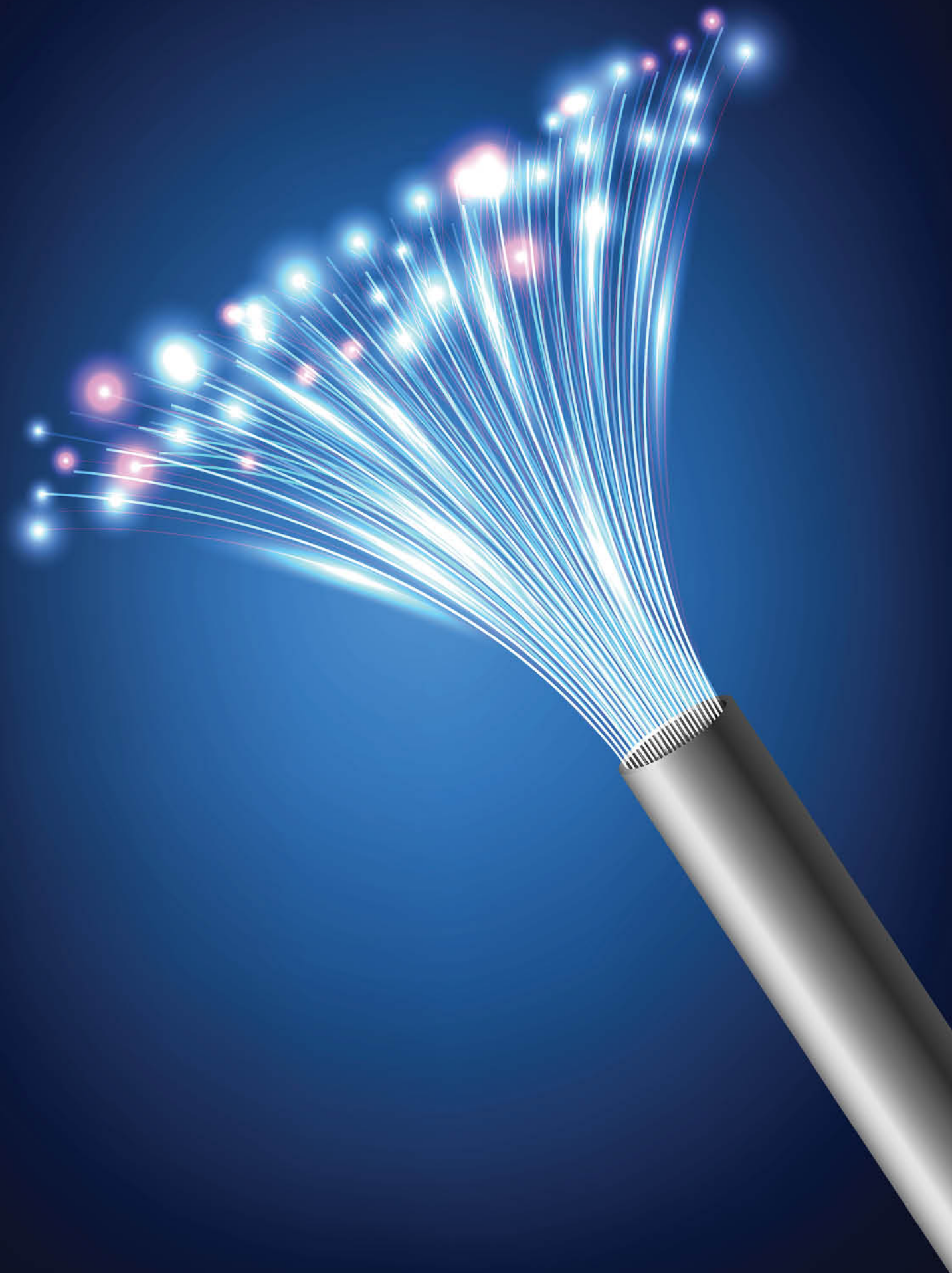
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tin cậy: Sự tin cậy đến từ những cam kết được thực hiện, thể hiện qua những giá trị thiết thực chúng tôi mang lại cho khách hàng, nhà đầu tư và đối tác.

Hợp tác: "Khách hàng chính là đối tác chiến lược" là phương châm hoạt động của 43 Company. Chỉ có thông qua hợp tác, những khó khăn, thách thức sẽ được loại bỏ, những cơ hội sẽ được chuyển hóa thành những thành công trong kinh doanh.

Cải tiến: Bằng việc lắng nghe và hiểu rõ những mong muốn của khách hàng, đối tác, 43 Company luôn không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng như phát triển sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trách nhiệm: Để đạt được mục tiêu chiến lược là phát triển bền vững và lâu dài, 43 Company luôn coi trọng và đề cao trách nhiệm với khách hàng, đối tác, người lao động và cộng đồng.



>> NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh ngoài các sản phẩm sản xuất phục vụ quốc phòng công ty còn tham gia sản xuất phục vụ mạng bưu chính viễn thông các loại sản phẩm như: Cáp nhồi dầu chống ẩm, cáp cống từ 10 đôi đến 100 đôi, dây thuê bao có dây treo gia cường, cáp đồng trục các loại, dây và cáp điện lực, dây thông tin đã chiến...

12.000.000 m/tháng

Dây thuê bao quang bọc chặt

4.000.000 m/tháng

Dây thuê bao đồng

3.000.000 m/tháng

Cáp thông tin nhồi dầu

2.000.000 m/tháng

Dây và cáp điện

1.600.000 m/tháng

Dây và cáp đồng trục



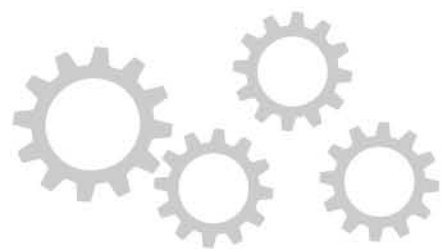
>> ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Nhiều hợp đồng mua bán đã được ký kết với các công ty điển hình như:

- Công ty Cổ phần VTV cáp Nam Định.
- Trung tâm THC Thái Bình- Chi nhánh công ty cổ phần điện tử Thái Bình.
- Chi nhánh công ty CP Minh Trí - Trung tâm truyền hình cáp Cẩm Phả.
- Công ty CP truyền hình cáp Hà Nội.
- Công ty Cổ phần phân phối Vinacap Việt Nam
- Công ty CP truyền thông Hội An VTC - Công ty CP xây dựng và thương mại Công nghệ Việt
- Công ty TNHH MTV truyền hình cáp Hải Dương.
- Công ty CP viễn thông Tân Hưng.
- Công ty CP đầu tư Quốc tế tại Hà Tĩnh.
- Công ty TNHH đầu tư TM & DV Anh Kiên
- Công ty TNHH TB Điện - Điện tử VT Khánh Linh
- Công ty Điện tử Hoàng Diệu
- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Hùng sơn
- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Sao Tháng Tám
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long
- Công ty CP đầu tư xây dựng Bưu chính Viễn thông
- Công ty TNHH một thành viên cơ điện và vật liệu nổ 31
- Công ty TNHH thiết bị viễn thông Sa Com

- Công ty TNHH MTV Bưu chính viễn thông Saicom
- Công ty cổ phần giải pháp mạng và máy tính TIC
- Công ty Cổ phần viễn thông FPT
- Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Viễn Thông
- Công ty Cổ phần kỹ thuật điện tử Miền Duyên Hải
- Công ty Cổ phần thương mại - kỹ thuật - điện - điện tử - viễn thông Hùng Hông
- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại công nghệ Vinacom Hà Nội
- Công ty Cổ phần thương mại thiết bị điện Hà Nội
- Viễn Thông Sóc Trăng
- Viễn Thông Bạc Liêu
- Viễn Thông Trà Vinh
- Viễn Thông Đồng Tháp
- Viễn Thông Vĩnh Long
- Viễn Thông An Giang
- Viễn Thông Bến Tre
- Viễn Thông Tiền Giang
- Viễn Thông Bình Phước
- Viễn thông Hậu Giang
- Viễn thông Hà Nội...





>> DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT TIỀN TIẾN



Các dây chuyền sản xuất chính

Dây chuyền sản xuất dây và cáp thông tin:



THỤY AN – BA VÌ – HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Các dây chuyền sản xuất chính

Dây chuyền sản xuất Dây và cáp điện dân dụng:

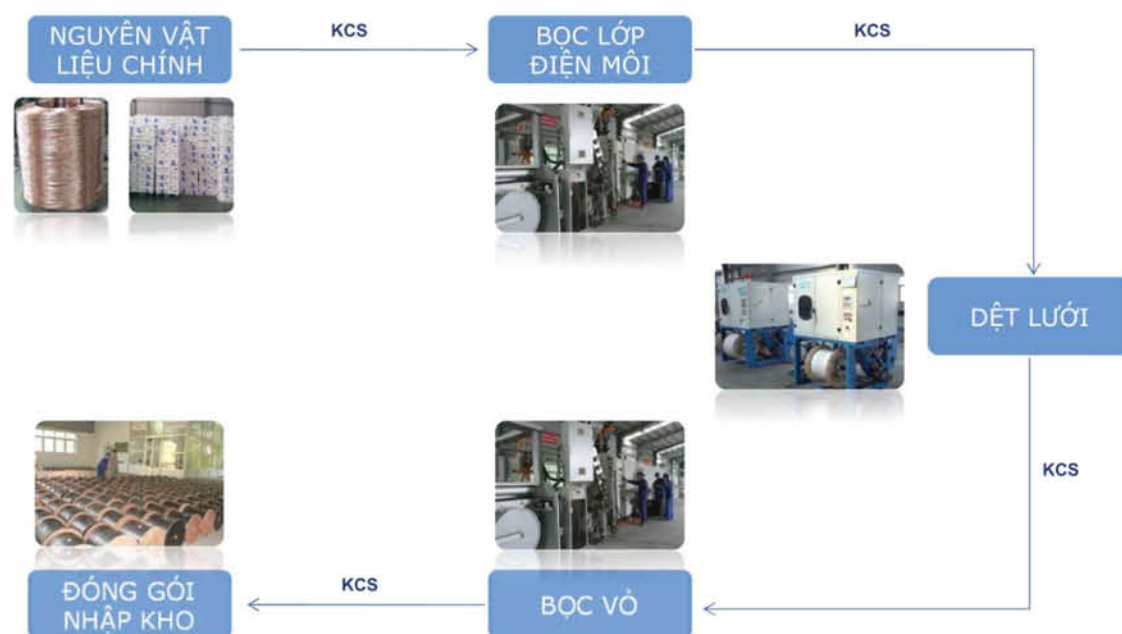


THỤY AN – BA VÌ – HÀ NỘI

NHÀ MÁY Z143 – TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

Các dây chuyền sản xuất chính

Dây chuyền sản xuất dây và cáp đồng trục:

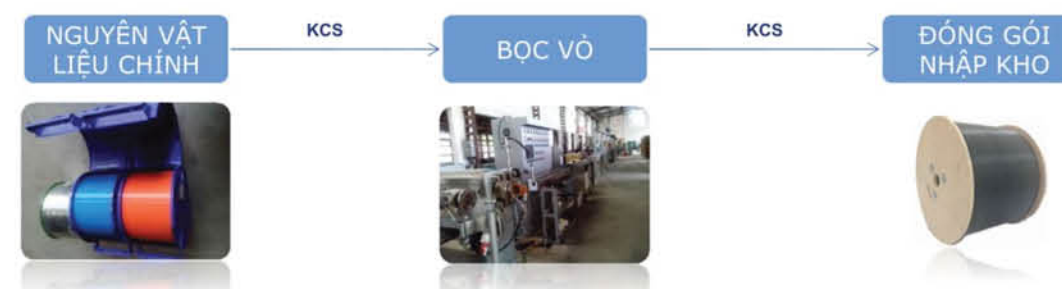


THỤY AN – BA VÌ – HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Các dây chuyền sản xuất chính

Dây chuyền sản xuất dây thuê bao quang:



Quy trình công nghệ

THỤY AN – BA VÌ – HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

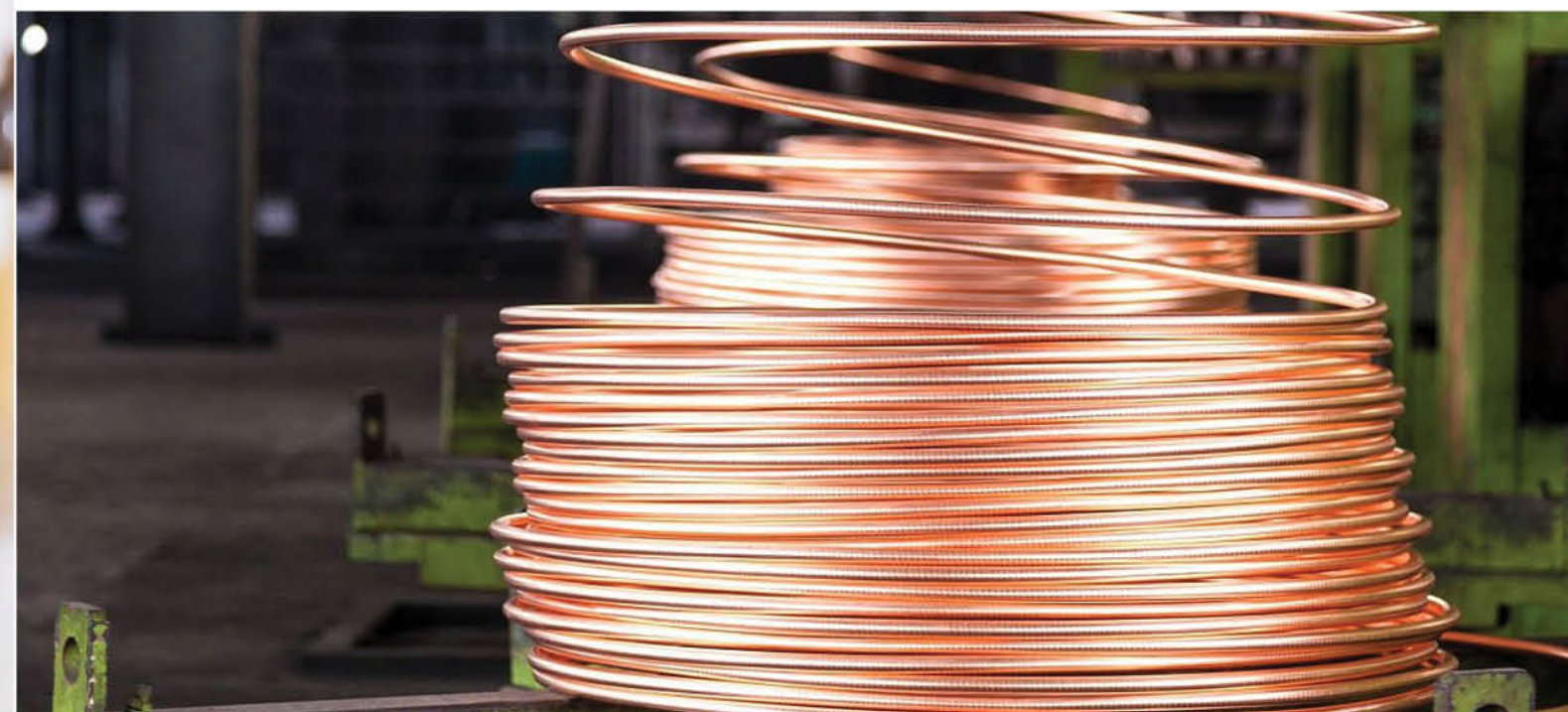


NGUYÊN VẬT LIỆU CHẤT LƯỢNG CAO

Kết hợp với công nghệ và kỹ thuật tiên tiến của các nước châu Âu, Z43 sử dụng những nguyên vật liệu đầu vào được lựa chọn khắt khe từ các đối tác cung ứng có uy tín hàng đầu trong nước và trên thế giới, với hàm lượng đồng tinh khiết 99,99%, nhôm 99,7%, nhựa PVC, XLPE không độc hại.

**ĐỒNG NHẬP KHẨU
LME CÓ HÀM LƯỢNG
TINH KHIẾT**

99,99%



**NHÔM CÓ HÀM LƯỢNG TINH KHIẾT 99,7%
HẠT NHỰA PVC, XLPE KHÔNG ĐỘC HẠI**

➤ Quy trình sản xuất thân thiện với môi trường

Việc sử dụng nguyên vật liệu sản xuất nhập 100%, cùng với quy trình sản xuất hiện đại, hoàn toàn không xả thải các hóa chất độc hại gây ô nhiễm môi trường và tác động xấu tới sức khỏe con người.



GIẤY CHỨNG NHẬN

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY

Số/No: HC.19.01.0009

Chứng nhận sản phẩm/this is to certify that:
Cáp điện có cách điện dạng đùn,
điện áp danh định đến 0,6/1kV (loại từ 1 đến 5 lõi)
Có mặt cắt danh định đến và bằng 400mm²

Nhãn hiệu thương mại/trade mark: 

Được sản xuất tại/produced in: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43**

Địa chỉ/address: Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội

Phù hợp với/conforms to: TCVN 5935-1:2013
và được phép sử dụng Dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của Quatest 1
and approved bear Quatest 1 Product certification mark

Phương thức chứng nhận/system certify:
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Giấy chứng nhận này và Dấu phù hợp tiêu chuẩn có giá trị từ/this certificate and the Quality Mark is valid from
12 / 06 / 2019 đến/to 02 / 10 / 2021

 **GIÁM ĐỐC**
Director
Năm Đức Thủy

TCVN 5935-1:2013
Dấu chứng nhận/ Certification mark

Giấy chứng nhận chỉ có giá trị khi được cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp có nêu tại đây theo giấy chứng nhận số 18.00.009 cấp ngày 02/10/2017

Quatest 1 - 58 B, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 3.5361198, Fax: (84-4) 3.5361199

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF CONFORMITY TO TECHNICAL REGULATION

Số/No: HQ.19.01.0009

Chứng nhận sản phẩm/this is to certify that:
Dây và cáp điện

Nhãn hiệu thương mại/trade mark: 

Loại/Style: Danh mục đính kèm
Kiểu/Model: Danh mục đính kèm

Được sản xuất tại/produced in: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43**

Địa chỉ/address: Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia/conforms to:
QCVN 4:2009/BKHCN (SỬA ĐỔI 1:2016)
VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)
and can bear technical regulation mark

Phương thức chứng nhận/system certify:
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Giấy chứng nhận và Dấu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật có giá trị từ/this certificate and the mark is valid from
12 / 06 / 2019 đến/to 02 / 10 / 2021

 **GIÁM ĐỐC**
Director
Năm Đức Thủy

Giấy chứng nhận chỉ có giá trị khi được cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp có nêu tại đây theo giấy chứng nhận số 18.00.009 cấp ngày 02/10/2017

Quatest 1 - 58 B, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 3.5361198, Fax: (84-4) 3.5361199

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY

Số/No: HC.19.03.0009

Chứng nhận sản phẩm/this is to certify that:
Cáp cách điện bằng cao su
Cáp hàn hồ quang loại có mặt cắt danh định đến và bằng 95mm²

Nhãn hiệu thương mại/trade mark: 

Được sản xuất tại/produced in: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43**

Địa chỉ/address: Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội

Phù hợp với/conforms to: TCVN 9615-6:2013
và được phép sử dụng Dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của Quatest 1
and approved bear Quatest 1 Product certification mark

Phương thức chứng nhận/system certify:
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Giấy chứng nhận này và Dấu phù hợp tiêu chuẩn có giá trị từ/this certificate and the Quality Mark is valid from
12 / 06 / 2019 đến/to 02 / 10 / 2021

 **GIÁM ĐỐC**
Director
Năm Đức Thủy

TCVN 9615-6:2013
Dấu chứng nhận/ Certification mark

Giấy chứng nhận chỉ có giá trị khi được cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp có nêu tại đây theo giấy chứng nhận số 18.00.009 cấp ngày 02/10/2017

Quatest 1 - 58 B, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 3.5361198, Fax: (84-4) 3.5361199

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP
CONFIRMATION OF CONFORMITY

Số/No: XN.19.02.0009

Xác nhận sản phẩm/this is to confirm that:
Cáp (dây) mềm cách điện bằng PVC
Có điện áp danh định đến và bằng 300/500V
Mặt cắt danh định ruột dẫn từ 10mm² đến và bằng 35mm²

Nhãn hiệu thương mại/trade mark: 

Được sản xuất tại/produced in: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43**

Địa chỉ/address: Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Phù hợp với/conforms to: TCCS 01:2019/43 Company (ban hành ngày 22/03/2019)

Giấy xác nhận này có giá trị từ/this confirmation is valid from
12 / 06 / 2019 đến/to 02 / 10 / 2021

 **GIÁM ĐỐC**
Director
Năm Đức Thủy

Giấy chứng nhận chỉ có giá trị khi được cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp có nêu tại đây theo giấy chứng nhận số 18.00.009 cấp ngày 02/10/2017

Quatest 1 - 58 B, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 3.5361198, Fax: (84-4) 3.5361199

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43
43 ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY

Địa chỉ: Thôn Liên Minh - Thụy An - Ba Vì - Hà Nội
Điện thoại: 02433.965.390 Fax: 0243.965.864 43 COMPANY

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số: BG/GCN-CT43
—S.S.S—

CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM C TICOM
Địa chỉ: Số 13/87 Phố Đỗ - Nham Từ Liêm - Hà Nội

LÀ ĐƠN VỊ ĐẠI DIỆN PHÂN PHỐI CHÍNH HÃNG

 **43 COMPANY**

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2020
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43
GIÁM ĐỐC
Năm Đức Thủy

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÚ HỢP (QUACERT)

giấy chứng nhận

Chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng của
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43
Xã Thụy An, huyện Ba Vì, Hà Nội, Việt Nam

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:
TCVN ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Thiết kế, Sản xuất và Công nghệ Dây và Cáp thông tin liên lạc, Dây và Cáp điện dân dụng, Cáp đồng trục coaxial, Dây cáp quang

Số giấy chứng nhận: HT 1471/5.16.19

Ngày cấp giấy chứng nhận: 09 ngày 11/12/2018 đến ngày 10/12/2021

Ngày chứng nhận lần đầu: 25/07/2007

Ngày đánh giá chứng nhận lại: 26/10/2018

Ngày hết hạn của giấy chứng nhận gần nhất: 09 ngày 20/12/2018 đến ngày 14/09/2019

TS. Trần Văn Vĩnh TS. Phạm Hồng TS. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
Hotline và văn phòng chứng nhận: 04-3611.9811 Email: info@quacert.vn Website: www.quacert.vn

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

DIRECTORATE FOR STANDARDS
METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE AND
TESTING CENTER 1

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
CERTIFICATE OF STANDARD CONFORMITY

Số/No: HC.19.02.0009

Chứng nhận sản phẩm/this is to certify that:
Cáp điện văn xoắn cách điện bằng XLPE, điện áp danh định đến 0,6/1kV
(loại từ 02 đến 04 lõi) có mặt cắt danh định đến và bằng 150mm²

Nhãn hiệu thương mại/trade mark: 

Được sản xuất tại/produced in: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43**

Địa chỉ/address: Thôn Liên Minh, xã Thụy An, huyện Ba Vì, Tp. Hà Nội

Phù hợp với/conforms to: TCVN 6447:1998
và được phép sử dụng Dấu chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của Quatest 1
and approved bear Quatest 1 Product certification mark

Phương thức chứng nhận/system certify:
(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Giấy chứng nhận này và Dấu phù hợp tiêu chuẩn có giá trị từ/this certificate and the Quality Mark is valid from
12 / 06 / 2019 đến/to 02 / 10 / 2021

 **GIÁM ĐỐC**
Director
Năm Đức Thủy

TCVN 6447:1998
Dấu chứng nhận/ Certification mark

Giấy chứng nhận chỉ có giá trị khi được cấp theo yêu cầu của doanh nghiệp có nêu tại đây theo giấy chứng nhận số 18.00.009 cấp ngày 02/10/2017

Quatest 1 - 58 B, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 3.5361198, Fax: (84-4) 3.5361199

THÀNH TÍCH VÀ GIẢI THƯỞNG



HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
HẠNG NHÌ



HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
HẠNG NHÌ



HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
HẠNG BA



HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
HẠNG BA



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG BA

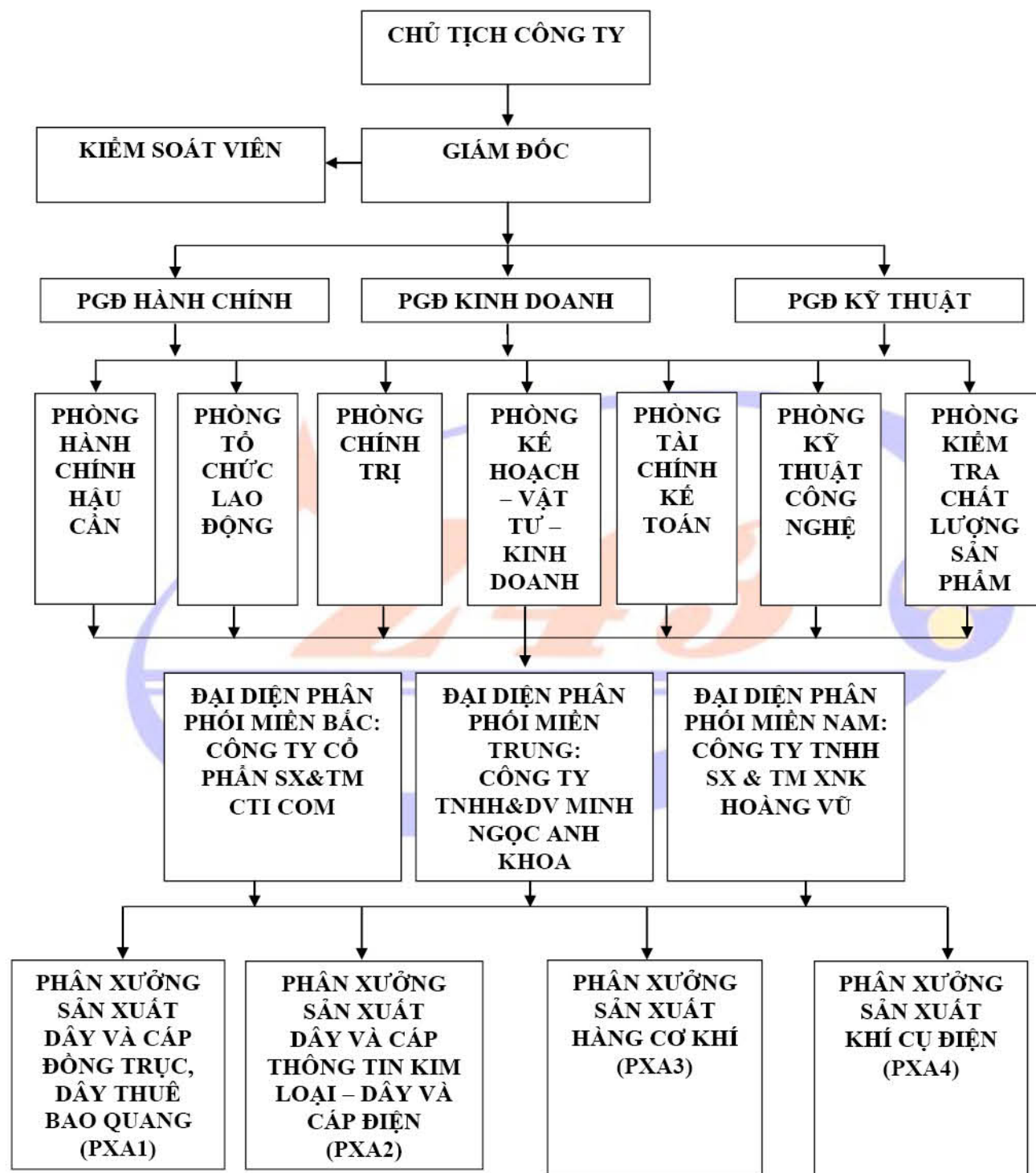


BẰNG KHEN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

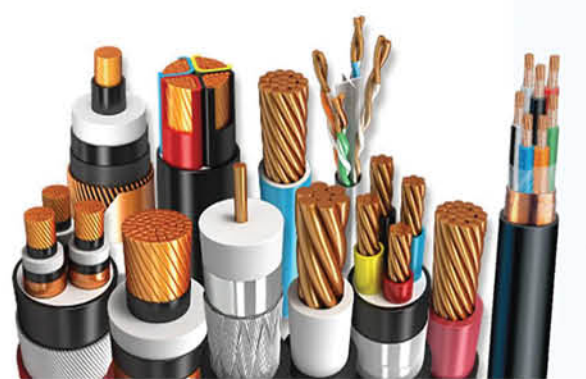


CATALOGUE(*)

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

- 022 CÁP MỀM TRÒN 4 LỖI CVVm/VCmt
- 023 CÁP MỀM TRÒN 2 LỖI CVVm/VCmt
- 024 CÁP MỀM TRÒN 3 LỖI CVVm/VCmt
- 025 CÁP MỀM TRÒN 5 LỖI CVVm/VCmt
- 026 DÂY ĐIỆN DẪN DỤNG VCm
- 028 DÂY ĐIỆN DẪN DỤNG CV
- 030 DÂY ĐIỆN DẪN DỤNG VCmd
- 031 DÂY THUẾ BAO QUANG FTTH.G657A - PVC - 1C; 2C; 4C
- 032 MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH ĐANG CUNG CẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG

(*) Thông số kỹ thuật của các sản phẩm trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần báo trước.
Specifications in this catalog are subject to change without notice



➤ CÁP MỀM TRÒN 4 LỖI CVVm/VCmt

Cáp mềm tròn, 3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC



Ruột dẫn: Sợi đồng mềm, xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

• Nhận biết cáp:

+ Cách điện:



Nâu



Xanh lá sọc vàng



Xám



Đen

+ Vỏ bọc:



màu xám

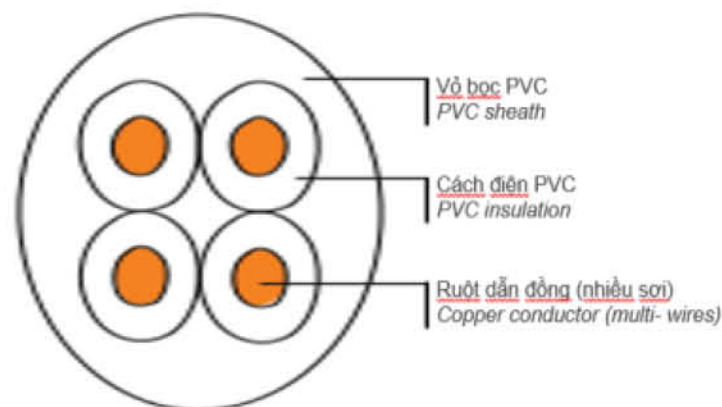
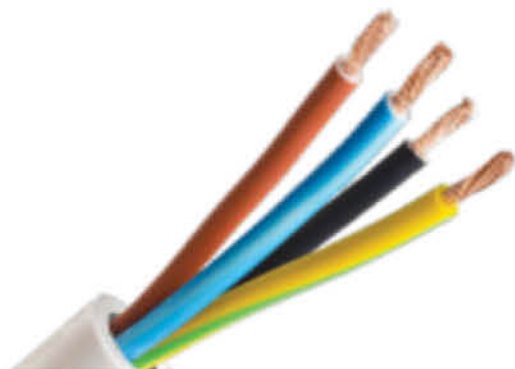


màu đen

Cấp điện áp (U_o/U): 300/500 V

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5 (IEC 60227-5)



Tên sản phẩm	Ruột dẫn / Conductor			Bề dày cách điện	Bề dày vỏ bọc	Đường kính ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)	Cấp điện áp
	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn						
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Sheath thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)	Rated Voltage
	mm ²	No/mm	mm	mm	mm	mm x mm	n/km	kg/km	V
CVVm 4x0.75	4x0.75	4x24/0.20	1.13	0.6	0.8	7.7	26	88.5	300/500
CVVm 4x1.0	4x1.0	4x32/0.20	1.31	0.6	0.9	8.3	19.5	107.2	300/500
CVVm 4x1.5	4x1.5	4x30/0.25	1.58	0.7	1	9.7	13.3	148.8	300/500
CVVm 4x2.5	4x2.5	4x50/0.25	2.04	0.8	1.1	11.5	7.98	220.4	300/500
CVVm 4x4.0	4x4.0	4x80/0.25	2.59	0.8	1.2	13.1	4.95	305.8	300/500
CVVm 4x6.0	4x6.0	4x120/0.25	3.17	0.8	1.4	14.9	3.3	420.1	300/500

➤ CÁP MỀM TRÒN 2 LỖI CVVm/VCmt

Cáp mềm tròn, 2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC



Ruột dẫn: Sợi đồng mềm, xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

• Nhận biết cáp:

+ Cách điện:



Xanh lam



Xanh lá sọc vàng



Nâu

+ Vỏ bọc:



màu xám

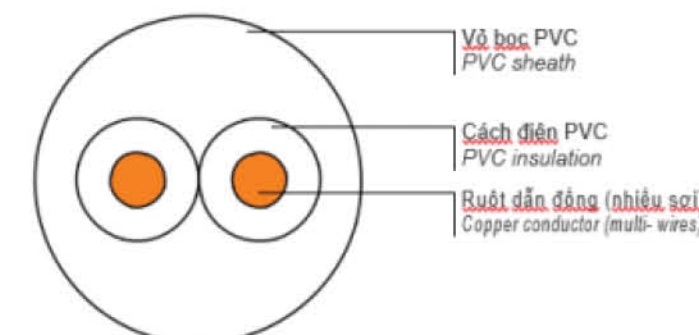


màu đen

Cấp điện áp (U_o/U): 300/300 V và 300/500 V

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5 (IEC 60227-5)



Tên sản phẩm	Ruột dẫn / Conductor			Bề dày cách điện	Bề dày vỏ bọc	Đường kính ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)	Cấp điện áp
	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn						
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Sheath thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)	Rated Voltage
	mm ²	No/mm	mm	mm	mm	mm x mm	n/km	kg/km	V
CVVm 2x0.5	2x0.5	2x16/0.20	0.92	0.5	0.6	5.4	39	41.5	300/300
CVVm 2x0.75	2x0.75	2x24/0.20	1.13	0.5	0.6	5.8	26	50.6	300/300
CVVm 2x0.75	2x0.75	2x24/0.20	1.13	0.6	0.8	6.6	26	62.5	300/500
CVVm 2x1.0	2x1.0	2x32/0.20	1.31	0.6	0.8	7	19.5	71.7	300/500
CVVm 2x1.5	2x1.5	2x30/0.25	1.58	0.7	0.8	8	13.3	95.5	300/500
CVVm 2x2.5	2x2.5	2x50/0.25	2.04	0.8	1	9.7	7.98	145.7	300/500
CVVm 2x4.0	2x4.0	2x80/0.25	2.59	0.8	1.1	11	4.95	198.8	300/500
CVVm 2x6.0	2x6.0	2x120/0.25	3.17	0.8	1.2	12.4	3.3	264.8	300/500

➤ CÁP MỀM TRÒN 3 LỖI CVVm/VCmt

Cáp mềm tròn, 3 lõi, ruột đồng cách điện PVC, vỏ bọc PVC



Ruột dẫn: Sợi đồng mềm, xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

• Nhận biết cáp:

+ Cách điện:  Xanh lam
 Xanh lá sọc vàng
 Nâu

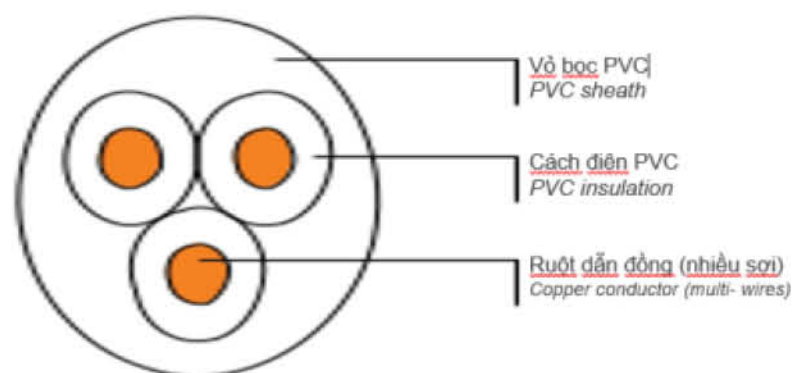
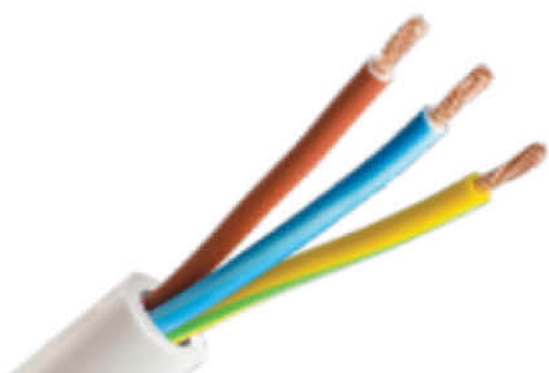
+ Vỏ bọc:

 màu xám
 màu đen

Cấp điện áp (U_o/U): 300/300 V và 300/500 V

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

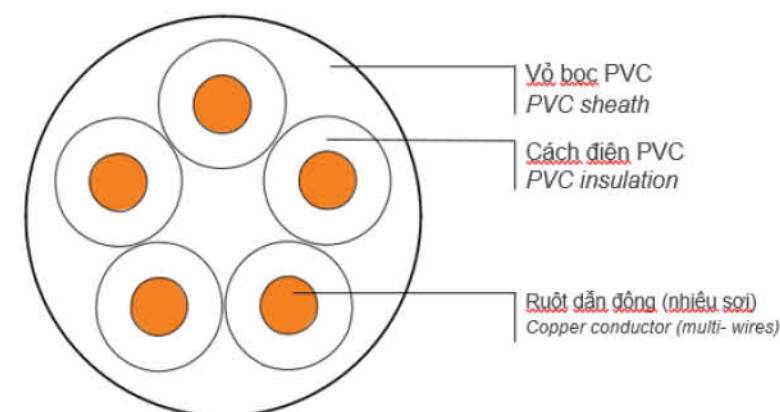
Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5 (IEC 60227-5)



Tên sản phẩm	Ruột dẫn / Conductor			Bề dày cách điện	Bề dày vỏ bọc	Đường kính ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)	Cấp điện áp
	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn						
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Sheath thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)	Rated Voltage
	mm ²	No/mm	mm	mm	mm	mm x mm	n/km	kg/km	V
CVVm 3x0.5	3x0.5	3x16/0.20	0.92	0.5	0.6	5.7	39	49	300/300
CVVm 3x0.75	3x0.75	3x24/0.20	1.13	0.5	0.6	6.2	26	60.7	300/300
CVVm 3x0.75	3x0.75	3x24/0.20	1.13	0.6	0.8	7	26	73.7	300/500
CVVm 3x1.0	3x1.0	3x32/0.20	1.31	0.6	0.8	7.4	19.5	85.4	300/500
CVVm 3x1.5	3x1.5	3x30/0.25	1.58	0.7	0.9	8.7	13.3	118.9	300/500
CVVm 3x2.5	3x2.5	3x50/0.25	2.04	0.8	1.1	10.5	7.98	181.2	300/500
CVVm 3x4.0	3x4.0	3x80/0.25	2.59	0.8	1.1	11.7	4.95	243.9	300/500
CVVm 3x6.0	3x6.0	3x120/0.25	3.17	0.8	1.4	13.6	3.3	314.4	300/500

➤ CÁP MỀM TRÒN 5 LỖI CVVm/VCmt

Cáp mềm tròn, 5 lõi, ruột đồng cách điện PVC, vỏ bọc PVC



Ruột dẫn: Sợi đồng mềm, xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

• Nhận biết cáp:

+ Cách điện:  Xanh lam
 Xanh lá sọc vàng
 Nâu

+ Vỏ bọc:

 màu xám
 màu đen

Cấp điện áp (U_o/U): 300/300 V và 300/500 V

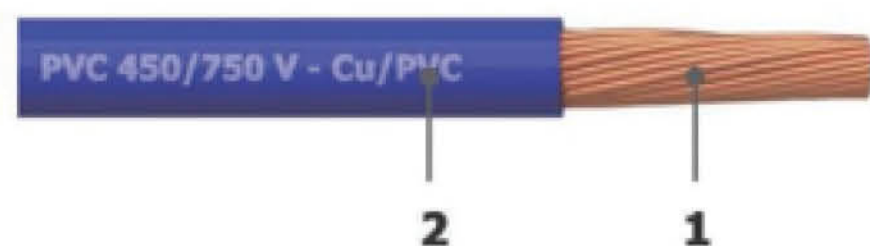
Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5 (IEC 60227-5)

Tên sản phẩm	Ruột dẫn / Conductor			Bề dày cách điện	Bề dày vỏ bọc	Đường kính ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)	Cấp điện áp
	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn						
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Sheath thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)	Rated Voltage
	mm ²	No/mm	mm	mm	mm	mm x mm	n/km	kg/km	V
CVVm 5x0.75	5x0.75	5x24/0.20	1.13	0.6	0.9	8.6	26	108	300/500
CVVm 5x1.0	5x1.0	5x32/0.20	1.31	0.6	0.9	9	19.5	126.1	300/500
CVVm 5x1.5	5x1.5	5x30/0.25	1.58	0.7	1.1	10.8	13.3	180.5	300/500
CVVm 5x2.5	5x2.5	5x50/0.25	2.04	0.8	1.2	12.8	7.98	267.1	300/500
CVVm 5x4.0	5x4.0	5x80/0.25	2.59	0.8	1.3	14.5	4.95	370.8	300/500
CVVm 5x6.0	5x6.0	5x120/0.25	3.17	0.8	1.4	16.3	3.3	501.1	300/500

➤ DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG VCm

Dây điện 1 lõi ruột mềm bọc cách điện PVC - Cu/PVC



Kết cấu

1. Lõi dẫn điện/Conductor: Đồng/Copper
2. Lớp cách điện/Insulation: PVC

Dây điện 1 lõi ruột mềm bọc cách điện PVC – Cu/PVC thuộc sản phẩm dây điện dân dụng.

Dây điện 1 lõi ruột mềm bọc cách điện PVC – Cu/PVC có kết cấu gồm 02 lớp như trên.

Dây được ứng dụng để lắp đặt trong hệ thống điện của các ngôi nhà nói riêng và các công trình xây dựng nói chung như trường học, bệnh viện, văn phòng...

Thông số kỹ thuật

Ruột dẫn: Sợi đồng xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

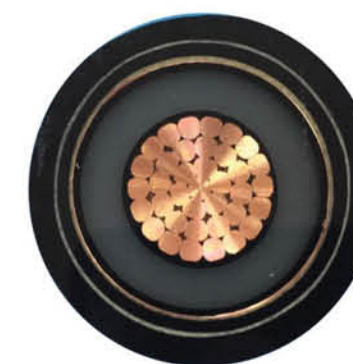
• Nhận biết dây

- Đỏ
- Vàng
- Xanh
- Đen
- Xanh lá sọc vàng

Cấp điện áp (U_o/U): 300/300 V và 300/500 V

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

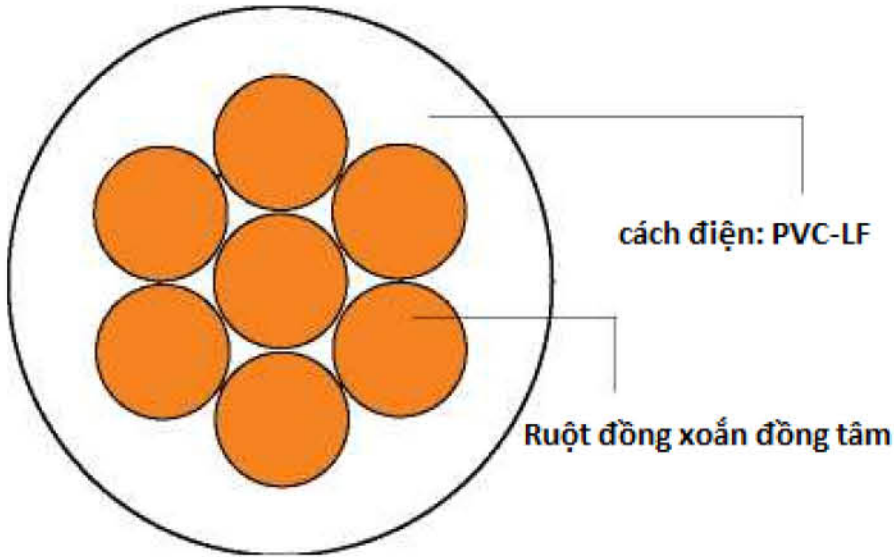
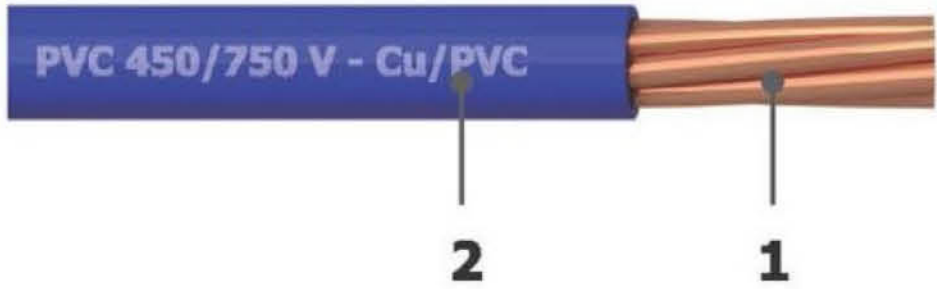
Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3 (IEC 60227-3)



Tên sản phẩm	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu ruột dẫn	Đường kính ruột dẫn	Bề dày cách điện	Đường kính ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)	Cấp điện áp
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)	Rated voltage
	mm ²	N ^o /mm	mm	mm	mm	n/km	kg/km	V
VCm 0.5	0.5	16/0.20	0.92	0.6	2.2	39.0	9.5	300/500
VCm 0.75	0.75	24/0.20	1.13	0.6	2.5	26.0	12.4	300/500
VCm 1.0	1.0	32/0.20	1.31	0.6	2.6	19.5	15.2	300/500
VCm 1.5	1.5	30/0.25	1.58	0.7	3.1	13.3	21.8	450/750
VCm 2.5	2.5	50/0.25	2.04	0.8	3.8	7.98	34.1	450/750
VCm 4.0	4.0	80/0.25	2.59	0.8	4.3	4.95	50.0	450/750
VCm 6.0	6.0	120/0.25	3.17	0.8	4.9	3.30	70.3	450/750
VCm 10	10	84/0.40	4.23	1.0	6.4	1.91	122.4	450/750
VCm 16	16	126/0.40	5.18	1.0	7.4	1.21	175.1	450/750
VCm 25	25	7 x 28/0.40	6.46	1.2	9.1	0.78	269.7	450/750
VCm 35	35	7 x 40/0.40	7.72	1.2	10.4	0.554	373.0	450/750
VCm 50	50	19 x 21/0.40	9.22	1.4	12.3	0.386	529.1	450/750
VCm 70	70	19 x 19/0.50	10.96	1.4	14.1	0.272	730.1	450/750
VCm 95	95	19 x 25/0.50	12.58	1.6	16.2	0.206	959.7	450/750
VCm 120	120	19 x 32/0.50	14.23	1.6	17.8	0.161	1209.8	450/750
VCm 150	150	37 x 21/0.50	16.08	1.8	20.1	0.129	1544.6	450/750
VCm 185	185	37 x 25/0.50	17.55	2.0	22.0	0.106	1842.1	450/750
VCm 240	240	61 x 20/0.50	20.15	2.2	25.1	0.0801	2417.0	450/750

➤ DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG CV

Dây điện 1 lõi ruột cứng bọc cách điện PVC 450/750V - Cu/PVC



Kết cấu

- 1. Lõi dẫn điện/Conductor: Đồng/Copper
- 2. Lớp cách điện/Insulation: PVC

Dây điện 1 lõi ruột cứng bọc cách điện PVC 450/750V – Cu/PVC thuộc sản phẩm dây điện dân dụng.

Dây điện 1 lõi ruột mềm bọc cách điện PVC – Cu/PVC có kết cấu gồm 02 lớp như trên.

Dây được ứng dụng để lắp đặt trong hệ thống điện của các ngôi nhà nói riêng và các công trình xây dựng nói chung như trường học, bệnh viện, văn phòng...

Thông số kỹ thuật

Ruột dẫn: Sợi đồng xoắn chùm (cấp 5)

Cách điện: PVC

Vỏ bọc: PVC

• Nhận biết dây



Đỏ



Vàng



Xanh



Đen



Xanh lá sọc vàng

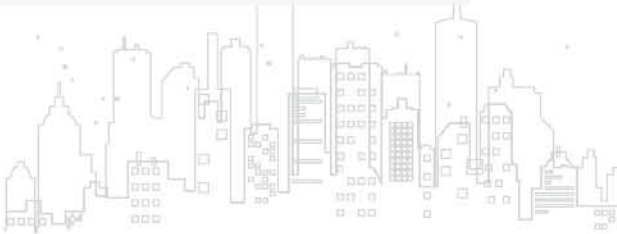
Cấp điện áp (U_o/U): 300/300 V và 300/500 V

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3 (IEC 60227-3)



Tên sản phẩm	Ruột dẫn / Conductor				Đường kính		
	Tiết diện ruột dẫn	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn	Bề dày cách điện	ngoài (gần đúng)	Điện trở DC ở 20°C	Khối lượng dây (gần đúng)
Product name	Nominal area	Structure	Conductor diameter	Insulation thickness	Overall diameter (approx.)	DC resistance at 20°C	Weight (approx.)
	mm ²	N ^o /mm	mm	mm	mm	n/km	kg/km
CV 1.5	1.5	7×0.52	1.56	0.7	3.1	12.1	22
CV 2.5	2.5	7×0.67	2.01	0.8	3.7	7.41	35
CV 4.0	4.0	7×0.85	2.55	0.8	4.3	4.61	51
CV 6.0	6.0	7×1.04	3.12	0.8	4.8	3.08	71
CV 10	10	7×1.35	4.05	1.0	6.2	1.83	119
CV 16	16	7×1.70	5.10	1.0	7.2	1.15	179
CV 25	25	7×2.14	6.42	1.2	8.9	0.727	280
CV 35	35	7×2.52	7.56	1.2	10.1	0.524	377
CV 50	50	19×1.80	9.00	1.4	11.9	0.387	522
CV 70	70	19×2.14	10.70	1.4	13.6	0.268	720
CV 95	95	19×2.52	12.60	1.6	15.9	0.193	994
CV 120	120	37×2.03	14.21	1.6	17.5	0.153	1238
CV 150	150	37×2.25	15.75	1.8	19.5	0.124	1522
CV 185	185	37×2.52	17.64	2.0	21.8	0.0991	1907
CV 240	240	61×2.25	20.25	2.2	24.8	0.0754	2494
CV 300	300	61×2.52	22.68	2.4	27.6	0.0601	3119
CV 400	400	61×2.85	25.65	2.6	31.0	0.0470	3972



➤ DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG VCmd

Dây điện đôi mềm bọc cách điện PVC - Cu/PVC



• Nhận biết dây

	Đỏ
	Vàng
	Xanh
	Đen
	Trắng

Kết cấu

1. Lõi dẫn điện: Đồng
2. Lớp cách điện: PVC

Dây điện đôi mềm bọc cách điện PVC, vỏ bọc PVC – Cu/PVC/PVC thuộc sản phẩm dây điện dân dụng.

Dây điện đôi mềm bọc cách điện PVC, vỏ bọc PVC – Cu/PVC/PVC có kết cấu gồm 02 lớp như trên.

Dây được ứng dụng để lắp đặt trong hệ thống điện của các ngôi nhà nói riêng và các công trình xây dựng nói chung như trường học, bệnh viện, văn phòng...

Thông số kỹ thuật

Cấp điện áp (U_o/U): 0,6/1kV

Ruột dẫn: Sợi đồng xoắn chùm (cấp 5)

Nhiệt độ ruột dẫn tối đa trong vận hành bình thường: 70 °C

Cách điện: PVC

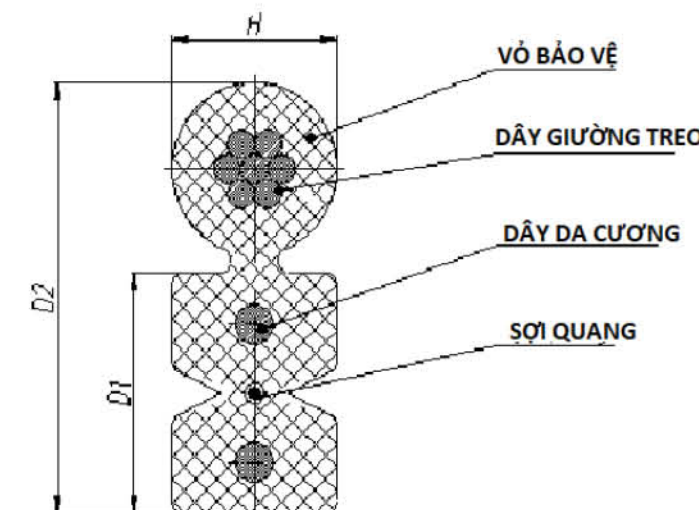
IEC 60502-1; IEC 60228

Vỏ bọc : PVC

Tên sản phẩm Product name	Tiết diện ruột dẫn Nominal area	Ruột dẫn / Conductor Kết cấu Structure	Đường kính ruột dẫn Conductor diameter	Bề dày cách điện Insulation thickness	Đường kính ngoài (gần đúng) Overall diameter (approx.)	Điện trở DC ở 20°C DC resistance at 20°C	Khối lượng dây (gần đúng) Weight (approx.)
	mm ²	N ^o /mm	mm	mm	mm x mm	n/km	kg/km
VCmd 2x0.5	2x0.5	2x16/0.20	0.92	0.8	2.7 x 5.3	39.0	23.6
VCmd 2x0.75	2x0.75	2x24/0.20	1.13	0.8	2.9 x 5.7	26.0	29.9
VCmd 2x1.0	2x1.0	2x32/0.20	1.31	0.8	3.0 x 6.1	19.5	35.8
VCmd 2x1.25	2x1.25	2x40/0.20	1.46	0.8	3.2 x 6.4	14.8	41.7
VCmd 2x1.5	2x1.5	2x30/0.25	1.58	0.8	3.3 x 6.7	13.3	46.7
VCmd 2x2.0	2x2.0	2x40/0.25	1.82	0.8	3.6 x 7.2	9.47	57.6
VCmd 2x2.5	2x2.5	2x50/0.25	2.04	0.8	3.8 x 7.6	7.98	68.3
VCmd 2x3.5	2x3.5	2x70/0.25	2.42	1.0	4.6 x 9.2	5.37	97.9
VCmd 2x4.0	2x4.0	2x80/0.25	2.59	1.0	4.8 x 9.5	4.95	108.6
VCmd 2x5.5	2x5.5	2x110/0.30	3.04	1.0	5.2 x 10.4	3.42	140.0
VCmd 2x6.0	2x6.0	2x120/0.30	3.17	1.0	5.3 x 10.7	3.30	150.4

➤ DÂY THUÊ BAO QUANG FTTH.G657A - PVC - 1C; 2C; 4C

DÂY THUÊ BAO QUANG FTTH.G657A - PVC - 1C; FTTH.G657A - PVC - 2C; FTTH.G657A - PVC - 4C



Mặt cắt ngang của dây thuê bao quang đệm chặt

* Dây dẫn: Sợi quang, theo tiêu chuẩn G.657, G652.... Tác dụng làm ruột dẫn, truyền tải tín hiệu thông tin từ nơi phát tín hiệu đến nơi nhận tín hiệu và ngược lại.

* Dây thép gia cường: Thép mạ kẽm kích thước Ø0,45. Tác dụng giúp định hình kích thước vỏ bọc của dây đồng thời giữ cho dây dẫn (sợi quang) luôn thẳng trong quá trình làm việc.

* Dây thép giường treo: Thép mạ kẽm kích thước Ø1,00 hoặc (7xÆ0,33). Tác dụng làm dây treo gia cường cho sản phẩm, giúp sản phẩm làm việc ổn định trước các điều kiện của môi trường như mưa, gió bão.v.v...

* Lớp vỏ: Nhựa PVC (hoặc PE) theo tiêu chuẩn quốc tế IEC 227 màu đen. Tác dụng làm lớp vỏ bảo vệ ngoài cùng, giúp cáp làm việc ổn định trong điều kiện và môi trường khác nhau và in thông tin của cáp trên thân cáp, suốt chiều dài cuộn dây thành phẩm (tên nhà sản xuất, ký hiệu cáp, chiều dài v.v...)

TT	Tên sản phẩm	Số sợi quang	Dây thép gia cường	Dây thép giường treo	Lớp vỏ	Kích thước than cáp	Kích thước tổng	Trọng lượng tổng (Kg)
1	FTTH.G657A-PVC-1C	01	≥Ø0,45	≥Ø1,00 hoặc ≥Ø0,33x7	Độ dày trung bình 0,8±0,1	(2,0±0,1)x (3,0±0,1)	5,0±0,2	20-21
2	FTTH.G657A-PVC-2C	02						
3	FTTH.G657A-PVC-4C	04						

Nguyên vật liệu chính:

– Nguyên vật liệu chính cấu thành nên các sản phẩm trên là các vật liệu truyền thống sử dụng trong công nghệ sản xuất dây thuê bao quang, bao gồm dây dẫn là sợi quang, dây thép giường treo, dây thép gia cường và nhựa bọc vỏ bảo vệ PVC hoặc PE.

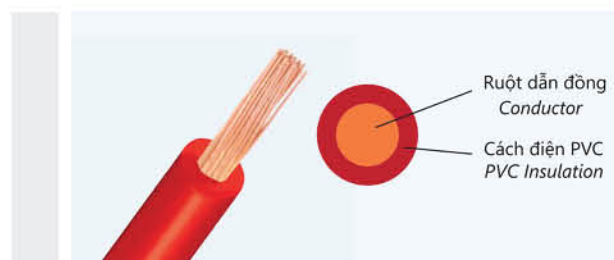
– Nguyên vật liệu phụ khác như: mực in, màng bao gói... sẽ được cấu thành vào sản phẩm tùy theo quy cách kỹ thuật của từng loại sản phẩm.

Bọc vỏ:

– Bọc vỏ có tác dụng làm lớp vỏ bảo vệ ngoài cùng, giúp cáp làm việc ổn định trong điều kiện và môi trường khác nhau và in thông tin của cáp trên thân cáp, suốt chiều dài cuộn dây thành phẩm (tên nhà sản xuất, ký hiệu cáp, chiều dài v.v...).

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC SẢN PHẨM ĐANG CUNG ỨNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

THE IMAGES OF THE PRODUCTS SUPPLYING IN THE MARKET

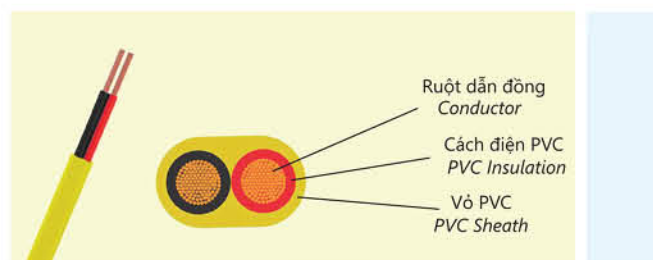


• DÂY ĐƠN MỀM / SINGLE SOFT WIRE

Cấu tạo / Construction: Cu/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 6610

- Lõi dẫn điện / Soft conductor: Đồng đỏ - Copper
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: PVC

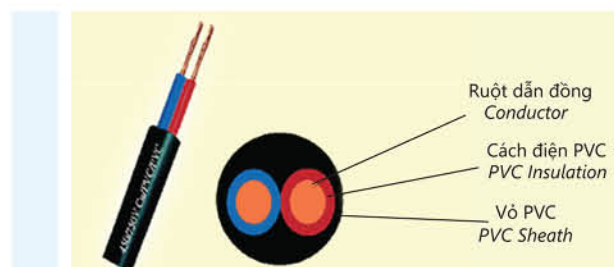


• DÂY ĐÔI MỀM DẸT / SOFT FLAT DOUBLE WIRE

Cấu tạo / Construction: Cu/PVC/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 6610

- Lõi dẫn điện / Soft conductor: Đồng đỏ / Copper
- Cách điện / Insulation: PVC
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: PVC

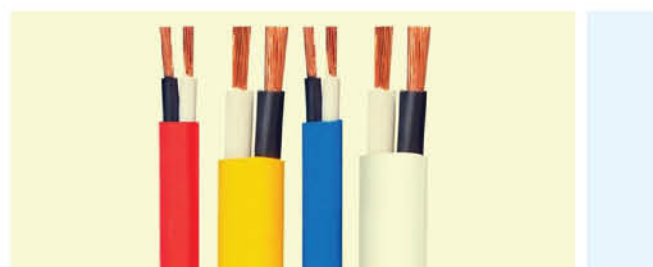


• DÂY MỀM TRÒN / SOFT ROUND WIRE

Cấu tạo / Construction: Cu/PVC/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 6610

- Lõi dẫn điện (2, 3 hoặc 4 lõi) / Soft conductor (2, 3 or 4 conductors): Đồng đỏ / Copper
- Cách điện / Insulation: PVC
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: PVC



• DÂY MỀM CHẤT LƯỢNG CAO, CHẬM CHÁY, KHÔNG HALOGEN / HIGHT QUALITY SOFT WIRE, FLAME RETARDANT, HALOGEN FREE

Cấu tạo / Construction: Cu/LSZH/LSZH

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: IEC60092, IEC60332, IEC60754, IEC61034...

- Lõi dẫn điện / Soft conductor: Đồng đỏ / Copper
- Cách điện / Insulation: FR-PVC hoặc LSZH
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: FR-PVC hoặc LSZH

• CÁP HÀN HỒ QUANG / WELDING CABLE

Cấu tạo / Construction: Cu/NR, Cu/EPR

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 9615-2013.

- Lõi dẫn điện / Soft conductor: Đồng đỏ / Copper
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: Cao su / Rubber



Ngoài các sản phẩm dạng trên, chúng tôi còn sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu của Quý khách hàng
Beside the products give, the orther products can be manufactured according to the demand of clients

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC SẢN PHẨM ĐANG CUNG ỨNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

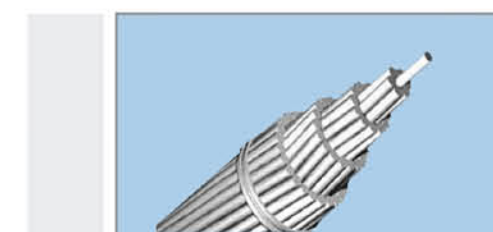
THE IMAGES OF THE PRODUCTS SUPPLYING IN THE MARKET

• CÁP VẶN XOẮN / AERIAL BUNDLED CABLE ABC

Cấu tạo / Construction: Al/XLPE

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 6447:1998

- Lõi dẫn điện (2, 3 hoặc 4 lõi) / Soft conductor (2, 3 or 4 conductors): Dây nhôm / Alumium wire
- Vỏ cách điện / Sheath insulation : XLPE



• CÁP NHÔM LỖI THÉP / ALUMINUM STEEL CABLE

Cấu tạo / Construction: ST-AL/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5064:1994

- Lõi dẫn điện / Soft conductor: Nhôm và thép / Aluminum and Steel.
- Vỏ cách điện / Sheath insulation : PVC

• CÁP ĐƠN 0,6/1KV / SINGLE CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/PVC hoặc Al/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013

- Lõi dẫn điện / Conductor: Đồng đỏ, nhôm / Copper or Aluminum
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: PVC



• CÁP CÁCH ĐIỆN XLPE 0,6/1KV / XLPE INSUALATION CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/XLPE/PVC; Al/XLPE/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013

- Lõi dẫn điện (1, 2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Conductor (1,2,3,4 or 5 conductors) : Đồng đỏ hoặc nhôm / Copper or Aluminum
- Cách điện / Insulation: XLPE
- Lớp đệm / Fillter: Sợi PP hoặc PVC
- Vỏ cách điện / Sheath insulation: PVC



• CÁP MUYLER / MUYLER CABLE

Cấu tạo / Construction: Cu/XLPE/PVC/ATA/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935-2013.

- Lõi dẫn điện / Conductor: Đồng đỏ - Copper
- Cách điện / Insulation: XLPE hoặc PVC - XLPE or PVC
- Lớp đệm / Fillter: Sợi PP
- Bọc trong / Inner sheath: PVC
- Giáp / Armoured: Băng nhôm / Aluminum tape (ATA)
- Vỏ cách điện / Sheath insulation : PVC

Ngoài các sản phẩm dạng trên, chúng tôi còn sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu của Quý khách hàng
Beside the products give, the orther products can be manufactured according to the demand of clients

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC SẢN PHẨM ĐANG CUNG ỨNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

THE IMAGES OF THE PRODUCTS SUPPLYING IN THE MARKET



• CÁP NGẦM HẠ THỂ 0,6/1KV / UNDERGROUND CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ hoặc nhôm / Copper or Aluminum.

- Cách điện / Insulation: XLPE hoặc PVC

- Lớp đệm / Filler: Sợi PP hoặc PVC

- Bọc trong / Inner Sheath: PVC

- Giáp / Armoured: Sợi hoặc băng thép - Steel wire or tape

- Vỏ bảo vệ / Sheath : PVC



• CÁP CAO SU 0,6/1KV / RUBBER CABLE

Cấu tạo / Construction: Cu/EPR/EPR

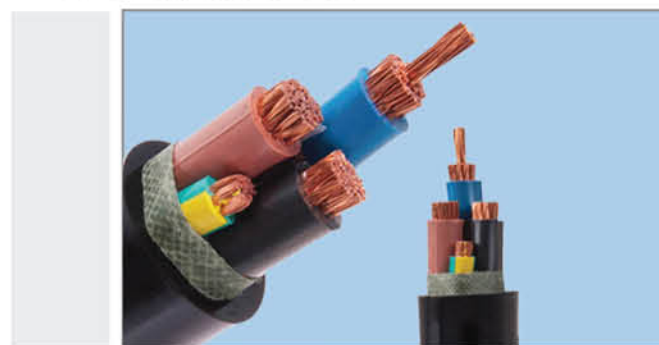
Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013; IEC 60502

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Soft conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ mềm / Soft Copper

- Cách điện / Insulation: Cao su / Rubber

- Lớp đệm / Filler: Sợi đay, băng vải

- Vỏ bảo vệ / Sheath: Cao su / Rubber



• CÁP PHÒNG NỔ, HẦM MỎ 0,6/1KV / MINING CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/EPR/EPR

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: VDE 0250, VDE 0295, IEC 60332, IEC 60811...

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Soft conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ mềm / Soft Copper

- Cách điện / Insulation: Rubber (EPR, EPDM, NR)

- Vỏ cách điện / Sheath insulation: Rubber (EPR, EPDM, NR)



• CÁP THÔNG TIN KIM LOẠI / TELEPHONE CABLE

Cấu tạo / Construction: CPP-JF-LAP-SS; FSP-JF-LAP-SS v.v...

Dung lượng: từ 2 đến 100 đôi (2 -100 pairs)

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 8238:2009

- Ruột dẫn / Conductor: Đồng đỏ (0,4mm; 0,5mm; 0,6mm; 0,9mm v.v...) - Copper.

- Cách điện / Insulation: Nhựa HDPE (xốp hoặc đặc) / HDPE Plastic (foam or solid)

- Lớp chống ẩm / Jelly Filling: Dầu chống ẩm

- Lớp chống nhiễu: Băng nhôm / AL tape

- Dây treo / Support Messenger Wire: Dây thép / Steel wire

- Vỏ bảo vệ / Sheath: Nhựa LDPE / LDPE Plastic

Ngoài các sản phẩm dạng trên, chúng tôi còn sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu của Quý khách hàng
Beside the products give, the orther products can be manufacured according to the demand of clients

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC SẢN PHẨM ĐANG CUNG ỨNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

THE IMAGES OF THE PRODUCTS SUPPLYING IN THE MARKET



• CÁP NGẦM HẠ THỂ 0,6/1KV / UNDERGROUND CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ hoặc nhôm / Copper or Aluminum.

- Cách điện / Insulation: XLPE hoặc PVC

- Lớp đệm / Filler: Sợi PP hoặc PVC

- Bọc trong / Inner Sheath: PVC

- Giáp / Armoured: Sợi hoặc băng thép - Steel wire or tape

- Vỏ bảo vệ / Sheath : PVC



• CÁP CAO SU 0,6/1KV / RUBBER CABLE

Cấu tạo / Construction: Cu/EPR/EPR

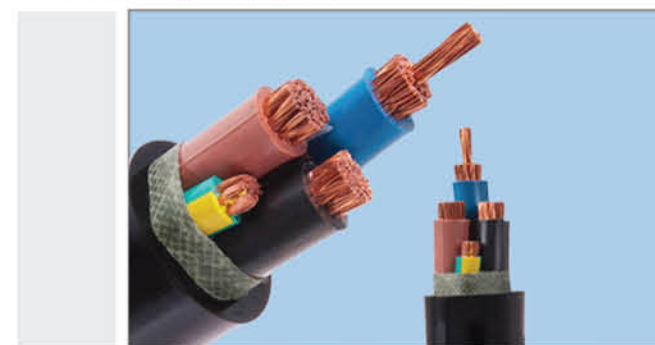
Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 5935:2013; IEC 60502

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Soft conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ mềm / Soft Copper

- Cách điện / Insulation: Cao su / Rubber

- Lớp đệm / Filler: Sợi đay, băng vải

- Vỏ bảo vệ / Sheath: Cao su / Rubber



• CÁP PHÒNG NỔ, HẦM MỎ 0,6/1KV / MINING CABLE 0,6/1KV

Cấu tạo / Construction: Cu/EPR/EPR

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: VDE 0250, VDE 0295, IEC 60332, IEC 60811...

- Lõi dẫn điện (1,2, 3, 4 hoặc 5 lõi) / Soft conductor (1, 2, 3, 4 or 5 conductors): Đồng đỏ mềm / Soft Copper

- Cách điện / Insulation: Rubber (EPR, EPDM, NR)

- Vỏ cách điện / Sheath insulation: Rubber (EPR, EPDM, NR)



• CÁP THÔNG TIN KIM LOẠI / TELEPHONE CABLE

Cấu tạo / Construction: CPP-JF-LAP-SS; FSP-JF-LAP-SS v.v...

Dung lượng: từ 2 đến 100 đôi (2 -100 pairs)

Tiêu chuẩn áp dụng / Standard apply: TCVN 8238:2009

- Ruột dẫn / Conductor: Đồng đỏ (0,4mm; 0,5mm; 0,6mm; 0,9mm v.v...) - Copper.

- Cách điện / Insulation: Nhựa HDPE (xốp hoặc đặc) / HDPE Plastic (foam or solid)

- Lớp chống ẩm / Jelly Filling: Dầu chống ẩm

- Lớp chống nhiễu: Băng nhôm / AL tape

- Dây treo / Support Messenger Wire: Dây thép / Steel wire

- Vỏ bảo vệ / Sheath: Nhựa LDPE / LDPE Plastic

Ngoài các sản phẩm dạng trên, chúng tôi còn sản xuất các sản phẩm theo yêu cầu của Quý khách hàng
Beside the products give, the orther products can be manufacured according to the demand of clients



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 43

Địa chỉ: Thôn Liên Minh - xã Thụy An - huyện Ba Vì - Hà Nội

Điện thoại: 02433965390 / 02433965864

Email: info@z43.com.vn

Website: z43.com.vn - daycapquocphong.com.vn

